

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2019/DS-ST

Ngày 10 - 10 - 2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Diễm Phúc

Ông Đỗ Biên Aï

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019, về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 403/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Hải T, sinh năm 1955 (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị T1, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1950 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Phan Hải T trình bày:* Vào ngày 15/7/2003 âm lịch bà có cho bà Lê Thị T1 vay 20 chỉ vàng 24k, lãi suất 05 phân/10 chỉ/tháng, có làm biên nhận, không quy định thời gian trả. Sau khi vay vàng bà T1 có trả cho bà hai tháng lãi suất là 02 chỉ vàng 24k. Bà T1 có trả vốn cho bà vào ngày 01/02/2004 là 05 chỉ vàng 24k, ngày 29/10/2004 trả tiếp cho bà 05 chỉ vàng 24k. Năm 2013 bà kiện bà T1 ra chính quyền ấp TT bà T1 đồng ý trả cho bà mỗi tháng số tiền là 500.000 đồng và trả dần cho đến khi xong 10 chỉ vàng 24k còn lại. Do bà ở xa nên hàng tháng bà có nhờ bà Ngô Hồng U ở ấp CN xã TT hàng tháng nhận tiền cho bà, tính đến ngày 10/4/2019 bà T1 đã trả cho bà tổng

cộng số tiền là 30.500.000 đồng tương ứng với 08 chỉ vàng 24k tại thời điểm giá vàng 3.910.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà T1 phải trả cho bà 02 chỉ vàng 24k còn lại. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Đối với bị đơn tại biên bản về việc ghi ý kiến của đương sự ngày 28/8/2019 bà Lê Thị T1 trình bày:* Trước đây khoản mười mấy năm (không nhớ năm nào) bà có vay của bà T 2 cây vàng 24k, một cây vay cho bà, một cây còn lại bà vay cho bà Lê Thị H, có thỏa T đóng lãi. Đến năm 2013 do không có điều kiện trả vàng cho bà T nên bà T làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương áp TT giải quyết. Nội dung giải quyết là cho bà trả góp mỗi tháng đến khi hết số nợ vay. Bà đã trả hết cho bà T 01 cây vàng mà bà vay, còn bà H thì đã trả được 30.500.000 đồng. Nay bà xác định bà không còn nợ bà T mà bà H còn nợ, nếu khởi kiện thì kiện bà H. Do sức khỏe không được tốt nên bà xin từ chối tham gia quá trình giải quyết của tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày:* Trước đây vào năm nào không nhớ khoản năm 2001 bà T1 có vay của bà T 20 chỉ vàng 24k trong đó thì bà T1 vay cho bà T1 10 chỉ vàng 24k, bà có nhờ bà T1 vay giùm bà 10 chỉ vàng 24k, lãi suất 05 phân vàng 24k /10 chỉ. Bà đóng lãi cho bà T 6 lần là 3 chỉ vàng 24k. Đối với phần 10 chỉ vàng 24k vốn, do bà không có khả năng trả cho bà T nên khi bà T kiện bà ra chính quyền áp TT thì hai bên thỏa T bà trả góp hàng tháng cho bà T mỗi tháng là 500.000 đồng và trả khi nào đủ 10 chỉ vàng 24k vốn. Tuy nhiên, do bà bị bệnh nên khoảng ba đến bốn tháng nay không tiếp tục trả góp cho bà T. Tổng số tiền bà góp cho bà T được là 30.500.000 đồng. Nay do hoàn cảnh khó khăn và do bị bệnh nên bà chỉ đồng ý trả góp cho bà T mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả xong 02 chỉ vàng 24k còn lại. Đối với việc bà T1 đi vay giùm cho bà 10 chỉ vàng 24k thì giữa bà T1 và bà T không có làm văn bản riêng mà chỉ bà T1 ký tên vay sau đó bà T1 mang về giao lại cho bà. Tuy nhiên, sau khi hỏi vay bà có đóng lãi cho bà T bằng việc gởi cho bà T1 đóng cho bà T, sau này đến năm 2013 thì trả góp hàng tháng thì mỗi tháng bà gởi 500.000 đồng cho người tên U ở tại chợ TT để trả cho bà T. Ngoài ra, không có lần nào bà gặp trực tiếp bà T để trả lãi và trả tiền góp mỗi tháng 500.000 đồng. Các lần trả lãi và vốn góp mỗi tháng 500.000 đồng đều không làm biên nhận. Đối với vốn vay của bà T1 10 chỉ vàng 24k thì bà T1 đã trả xong cho bà T, lãi suất phần vay 10 chỉ vàng 24k của bà T1 thì bà T1 đóng cho bà T được bao nhiêu bà không biết. Tóm lại, nay bà không có khả năng trả 02 chỉ vàng 24k ngay cho bà T mà chỉ đồng ý trả góp mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả xong 02 chỉ vàng 24k. Đối với 03 chỉ vàng 24k lãi suất bà gởi bà T1 trả cho bà T thì không có làm biên nhận và nay bà cũng không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Bà Lê Thị T1 có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T1.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Thấy rằng giữa bà Phan Hải T và bà Lê Thị T1 có giao dịch hợp đồng vay tài sản với nhau được các bên đương sự thừa nhận nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] *Xét về nội dung tranh chấp:* Bà T khởi kiện bà T1 về việc yêu cầu bà T1 trả lại số vàng vay còn nợ là 02 chỉ vàng 24k. Bà T1 khai bà có vay 20 chỉ vàng 24k của bà T nhưng trong đó có vay giùm cho bà H 10 chỉ vàng 24k, phần vay của bà 10 chỉ vàng 24k đã trả xong cho bà T, 10 chỉ vàng 24k còn lại là nợ của bà H. Bà H xác định có nhờ bà T1 vay giùm của bà T 10 chỉ vàng 24k, có trả góp từ năm 2013 mỗi tháng 500.000 đồng và nay đã trả được số tiền 30.500.000 đồng quy ra bằng 8 chỉ vàng 24k. Nay bà H chỉ đồng ý trả góp mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả xong 02 chỉ vàng 24k.

Hội đồng xét xử xét lời trình bày của các đương sự thấy rằng bà T, bà T1, bà H trình bày phù hợp với nhau về thời gian vay vàng, số vàng vay. Xét lời trình bày của bà T1 và bà H xác định bà H có nhờ bà T1 vay giùm 10 chỉ vàng 24k của bà H là không có cơ sở. Bởi lẽ, tại Biên nh ngày 15/7/2003 thể hiện nội dung “*Tôi tên Lê Thị T1 có hỏi 6 T 20 chỉ vàng 24k lãi suất 0,5 ly hàng tháng đóng lời thanh Tùng ngày 15/7/2003 âl người vay Lê Thị T1*” ký tên và ghi tên Lê Thị T1. Như vậy, theo biên nhận này không thể hiện nội dung bà T1 hỏi vay giùm cho bà H 10 chỉ vàng 24k như bà T1, bà H trình bày. Tại giấy xác nhận ngày 02/10/2019 của bà Ngô Hồng U cũng xác định bà có nhận số tiền của bà T1 gởi cho bà T một tháng 500.000 đồng, tổng số tiền nhận là 30.500.000 đồng đến thời điểm ngày 10/4/2019 bà T1 không còn gửi cho bà để trả cho bà T. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T cho rằng khi vay 20 chỉ vàng 24k của bà thì chỉ có bà T1 hỏi vay, quá trình hai bên giao dịch trả vàng và trả góp hàng tháng cũng do bà T1 trực tiếp trả vàng, tiền cho bà. Ngoài ra, bà T1 và bà H cũng không có tài liệu, văn bản nào chứng minh việc bà T1 vay vàng giùm cho bà H. Căn cứ vào Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định “*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng...*”. Do đó bà T yêu cầu bà T1 phải trả 02 chỉ vàng 24k là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với lãi suất cho vay: Bà T1 xác định khi vay có thỏa T lãi suất, bà H xác định lãi suất 05 phân vàng 24k /10 chỉ, bà đóng lãi cho bà T 6 lần là 3 chỉ vàng 24k. Xét thấy, bà T1 có trình bày về lãi suất nhưng không xác định đóng lãi suất bao nhiêu và cũng không có ý kiến gì đối với phần lãi suất, Bà H không yêu cầu Tòa án xem xét phần lãi suất đã đóng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về phần lãi suất.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Bà Lê Thị T1 khai sinh năm 1952, theo lời khai này thì bà T1 thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định pháp luật nhưng bà T1 vắng mặt không có đơn đề nghị miễn án phí nộp cho Tòa án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Chấp nH yêu cầu khởi kiện của bà Phan Hải T. Buộc bà Lê Thị T1 phải trả cho bà Phan Hải T 02 (hai chỉ) vàng 24k .

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T1 phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 419.000đồng (bốn trăm mười chín nghìn đồng).

Bà Phan Hải T được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Biện Thị Nhung

Thành viên
Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

.....

Biện Thị Nhung